



BẢN TIN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THÁNG 4/2026



CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỔI BẬT TRONG THÁNG 4/2026

Trên thế giới

1. IMF hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu

Ngày 14/4/2026, Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã công bố Bản cập nhật Triển vọng Kinh tế Thế giới (World Economic Outlook Update), trong đó điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 xuống còn 3,1%, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm so với mức 3,3% được đưa ra trong kỳ báo cáo trước đó. Việc điều chỉnh này phản ánh đánh giá thận trọng hơn của IMF đối với triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu trong bối cảnh môi trường quốc tế tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định.

Theo IMF, kịch bản cơ sở được xây dựng trên giả định rằng các xung đột địa chính trị hiện nay sẽ tiếp diễn trong ngắn hạn, trước khi các biện pháp ổn định thị trường dần phát huy hiệu quả vào khoảng giữa năm. Trên cơ sở đó, tổ chức này đồng thời đưa ra một kịch bản rủi ro bất lợi, trong đó tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 có thể giảm tới 1,3 điểm phần trăm nếu xung đột lan rộng trên quy mô khu vực. Trong kịch bản này, nền kinh tế thế giới được nhận định có thể tiến sát tới trạng thái suy giảm mang tính cấu trúc, với các cú sốc lan tỏa thông qua giá năng lượng và lương thực. Các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi được xác định là nhóm dễ bị tổn thương hơn, do mức độ phụ thuộc lớn vào nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Đáng chú ý, các chuyên gia nhận định nếu không có sự bùng nổ của các cuộc xung đột tại Trung Đông, những luồng vốn đầu tư lớn đang đổ vào các công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), lẽ ra đã tạo ra một lực đẩy mạnh mẽ, có khả năng nâng mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên khoảng 3,4%. Bất chấp

các yếu tố bất lợi trong ngắn hạn, IMF vẫn duy trì đánh giá tương đối ổn định đối với triển vọng trung hạn khi giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2027 ở mức 3,2%, dựa trên giả định về khả năng thích ứng linh hoạt của chuỗi cung ứng toàn cầu và sự phục hồi dần của tổng cầu.

Trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu suy giảm do các cú sốc địa chính trị, Việt Nam vẫn được IMF đánh giá là một trong những điểm sáng nổi bật, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực ASEAN và các thị trường mới nổi. Các chỉ số kinh tế vĩ mô được dự báo duy trì tích cực và tương đối ổn định: tăng trưởng GDP thực đạt khoảng 7,1% năm 2026 và 6,7% năm 2027, trước khi điều chỉnh về mức bền vững hơn khoảng 5,4% trong dài hạn đến năm 2031; tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục duy trì ở mức thấp (khoảng 2,1–2,2%); lạm phát dao động quanh 4,6–4,9% trong ngắn hạn và có xu hướng giảm dần về khoảng 3,6% trong trung hạn; cán cân vãng lai tiếp tục ghi nhận thặng dư tương đối cao, ước đạt 5,3% GDP năm 2026 và 4,4% GDP năm 2027. Động lực tăng trưởng quan trọng đến từ việc Việt Nam tận dụng hiệu quả làn sóng tái cấu trúc chuỗi cung ứng và thương mại toàn cầu, trong đó sự dịch chuyển nhập khẩu của Hoa Kỳ sang các thị trường thay thế như Việt Nam, Đài Loan (Trung Quốc) và Mexico, cùng với sự bứt phá của các ngành xuất khẩu công nghệ (điện tử, máy tính, thiết bị viễn thông) đóng vai trò then chốt.

Tuy nhiên, triển vọng này cũng đối mặt với các rủi ro bên ngoài đang gia tăng. Tác động lan tỏa từ xung đột Trung Đông có thể làm suy giảm nguồn thu từ du lịch và kiều hối, qua đó ảnh hưởng đến cầu nội địa. Đồng thời, các nền kinh tế nhập khẩu như Việt Nam phải đối mặt với áp lực kép từ biến động giá năng lượng, lương thực và rủi ro mất giá tiền tệ, làm gia

2. UAE chính thức rời OPEC

Bên cạnh các diễn biến địa chính trị phức tạp, tháng 4/2026 ghi nhận một động thái đáng chú ý liên quan đến cấu trúc thị trường năng lượng toàn cầu, khi Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) chính thức tuyên bố rút khỏi Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) ngày 28/4/2026, có hiệu lực từ 1/5/2026. Quyết định này được xem là một bước điều chỉnh quan trọng trong định hướng chính sách năng lượng và phát triển kinh tế của UAE.

Việc UAE rời OPEC có thể dẫn tới những thay đổi nhất định đối với cơ chế đồng thuận định giá dầu mỏ đã tồn tại nhiều thập kỷ của khối. Trong bối cảnh thị trường dầu mỏ toàn cầu đang có nhiều biến động, động thái này có

tăng nguy cơ lạm phát trong ngắn hạn. Những yếu tố này cho thấy, dù được đánh giá tích cực về tăng trưởng trong bối cảnh toàn cầu nhiều bất ổn, Việt Nam vẫn cần duy trì dư địa chính sách và theo dõi sát các biến số bên ngoài để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

thể ảnh hưởng đến mức độ gắn kết nội khối, cũng như vai trò điều tiết thị trường của tổ chức này trong trung và dài hạn.

Ở góc độ chính sách, quyết định của UAE phản ánh xu hướng điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng gia tăng tính tự chủ trong quản lý tài nguyên và định hình chính sách năng lượng quốc gia. Cụ thể, UAE đang thúc đẩy quá trình đa dạng hóa nền kinh tế, giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn thu từ dầu mỏ, đồng thời tăng cường thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ mới và năng lượng sạch. Diễn biến này cũng cho thấy sự dịch chuyển trong cách tiếp cận phát triển của một số nền kinh tế xuất khẩu năng lượng trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng toàn cầu.

3. Hoa Kỳ xử lý hoàn thuế IEEPA

Từ ngày 20/4/2026, Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (CBP) chính thức triển khai Giai đoạn 1 của hệ thống CAPE (Consolidated Administration and Processing of Entries) trên nền tảng ACE Portal nhằm xử lý hoàn trả các khoản thuế đã thu theo Đạo luật Quyền hạn Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA). Chương trình hoàn thuế này được triển khai sau phán quyết ngày 20/2/2026 của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, trong đó xác định IEEPA không phải là cơ sở pháp lý hợp lệ để áp dụng thuế đối ứng trên phạm vi toàn cầu (trong đó Hoa Kỳ đã áp mức thuế 20% cho Việt Nam).

Theo ước tính, tổng giá trị hoàn trả có thể lên tới khoảng 166 tỷ USD, liên quan đến hơn 53 triệu lô hàng của khoảng 330.000 nhà nhập khẩu. Các khoản hoàn thuế bao gồm cả phần lãi phát sinh, được tính theo thời gian kể từ khi thu thuế đến khi hoàn trả. Trong Giai đoạn 1, CBP tập trung xử lý các tờ khai chưa thanh khoản (unliquidated entries) hoặc mới được thanh khoản trong thời gian gần, với thời gian xử lý dự kiến khoảng 60–90 ngày kể từ khi hồ sơ được chấp nhận. Việc hoàn trả được thực hiện thông qua hệ thống thanh toán điện tử (ACH).

Đối tượng được hoàn thuế là các nhà nhập khẩu chính thức (Importer of Record) đã trực tiếp nộp thuế IEEPA. Trong một số trường hợp, quyền nhận hoàn thuế có thể được chuyển giao theo thỏa thuận hợp đồng hoặc ủy quyền hợp lệ giữa các bên liên quan. Phạm vi

hoàn thuế chỉ áp dụng đối với các khoản thuế được áp dụng theo IEEPA trong giai đoạn từ năm 2025 đến tháng 2/2026; các loại thuế khác theo các công cụ thương mại như Mục 301, Mục 232 hoặc Mục 122 không thuộc diện được hoàn trả.

Doanh nghiệp Việt Nam có thể được hoàn thuế IEEPA nếu doanh nghiệp đứng tên là Nhà nhập khẩu chính thức (Importer of Record - IOR) trên hồ sơ hải quan Hoa Kỳ, hoặc được đối tác Hoa Kỳ chỉ định hợp lệ quyền nhận khoản tiền hoàn lại. Trên thực tế, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu theo điều kiện FOB/CIF, nên IOR thường là nhà nhập khẩu Hoa Kỳ, bởi vậy doanh nghiệp Việt Nam cần làm việc với đối tác Hoa Kỳ để được chia sẻ phần hoàn thuế thông qua điều khoản hợp đồng hoặc thỏa thuận bổ sung.

Trong khi hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ trong thời gian trước có cơ hội được hoàn thuế đối ứng nhờ phán quyết của Tòa án Tối cao, ngay sau khi thuế đối ứng bị hủy bỏ hiệu lực, Nhà Trắng đã lập tức ban hành sắc lệnh hành pháp mới để áp đặt mức thuế toàn cầu 15% dựa trên Mục 122 của Đạo luật Thương mại 1974. Do đó, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với rào cản thuế quan mới, dù rằng mức thuế đã giảm xuống còn 15% và không còn phân biệt đối xử với hàng hóa từ các nguồn khác nhau.

Tại Việt Nam

1. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt mức kỷ lục

Theo số liệu cập nhật đến ngày 27/4/2026, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam (bao gồm vốn cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần) đạt 18,24 tỷ USD, tăng 32,0% so với cùng kỳ năm 2025 và là mức cao nhất ghi nhận trong nhiều năm trở lại đây đối với cùng kỳ 4 tháng đầu năm. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực dự án cấp mới với 1.249 dự án, tương ứng tổng vốn đăng ký đạt 12,15 tỷ USD; đáng chú ý, trong khi số lượng dự án chỉ tăng nhẹ 3,7%, quy mô vốn lại tăng gấp 2,2 lần, cho thấy xu hướng gia tăng rõ rệt về quy mô bình quân mỗi dự án.

Xét theo cơ cấu ngành, dòng vốn FDI tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực có hàm lượng công nghiệp và giá trị gia tăng cao. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 8,12 tỷ USD vốn cấp mới, chiếm 66,8% tổng vốn đăng ký mới, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò là trụ cột trong thu hút FDI. Đứng thứ hai là lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, khí và điều hòa không khí với 2,31 tỷ USD, chiếm 19,0%. Diễn biến này cho thấy xu hướng dịch

chuyển dòng vốn vào các ngành gắn với sản xuất và hạ tầng năng lượng.

Về giải ngân, vốn FDI thực hiện trong 4 tháng đầu năm 2026 ước đạt 7,40 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm ngoái và cũng là mức cao nhất trong vòng 5 năm gần đây. Tỷ lệ giải ngân trên tổng vốn đăng ký tiếp tục duy trì ở mức đáng kể, cho thấy tiến độ triển khai dự án tương đối ổn định. Cơ cấu vốn thực hiện tiếp tục nghiêng mạnh về ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 6,12 tỷ USD, chiếm 82,7%, trong khi lĩnh vực kinh doanh bất động sản đạt 540,5 triệu USD (7,3%) và sản xuất, phân phối điện, khí đốt đạt 270,6 triệu USD (3,7%).

Ở chiều ngược lại, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam cũng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh. Trong 4 tháng đầu năm 2026, có 74 dự án được cấp mới với tổng vốn đăng ký 691,1 triệu USD, gấp 2,6 lần so với cùng kỳ; tính chung cả cấp mới và điều chỉnh, tổng vốn đầu tư ra nước ngoài đạt 713,9 triệu USD, tăng 2,3 lần. Diễn biến này cho thấy xu hướng mở rộng hoạt động đầu tư xuyên biên giới của doanh nghiệp Việt Nam.

2. Dấu hiệu nhập siêu - Đảo chiều thương mại

Thương mại hàng hóa của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 ghi nhận sự đảo chiều đáng chú ý khi cán cân thương mại chuyển từ trạng thái thặng dư sang thâm hụt. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 344,17 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ và là mức tăng trưởng cao trong nhiều năm gần đây. Tuy nhiên, trong khi kim ngạch xuất khẩu đạt 168,53 tỷ USD (tăng 19,7%), thì nhập khẩu

tăng nhanh hơn, đạt 175,64 tỷ USD (tăng 28,7%). Chênh lệch về tốc độ tăng trưởng giữa hai chiều đã kéo cán cân thương mại 4 tháng đầu năm rơi vào trạng thái nhập siêu 7,11 tỷ USD, đảo chiều so với mức xuất siêu 4,3 tỷ USD của cùng kỳ năm 2025.

Đi sâu vào dữ liệu chi tiết của Cục Hải quan trong 15 ngày đầu tháng 4, tổng trị giá xuất nhập khẩu đạt 47,37 tỷ USD. Chỉ trong nửa đầu tháng 4 này, xuất khẩu hàng hóa đạt 21,56 tỷ USD (giảm 17,2% so với kỳ 2 tháng 3), dẫn đến mức thâm hụt 4,25 tỷ USD chỉ trong 15 ngày, đẩy lũy kế nhập siêu từ đầu năm đến ngày 15/4 lên mức 7,9 tỷ USD (dù sau đó có cải thiện hơn vào nửa cuối tháng). Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều ghi nhận sự sụt giảm ngắn hạn trong nửa đầu tháng 4: máy vi tính và linh kiện giảm 1,6 tỷ USD (giảm 21,6%); máy móc thiết bị giảm 532 triệu USD (giảm 15,9%); hàng dệt may giảm 415 triệu USD (giảm 23,2%); điện thoại các loại giảm 397 triệu USD (giảm 15,5%).

Xét theo cơ cấu hàng hóa, sự gia tăng mạnh của nhập khẩu chủ yếu tập trung vào nhóm tư liệu sản xuất, bao gồm máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chiếm trên 90% tổng kim ngạch nhập khẩu. Điều này cho thấy phần lớn mức nhập siêu phát sinh mang tính tích cực do gắn với nhu cầu đầu vào của khu vực sản xuất, phản ánh xu hướng gia tăng nhập khẩu phục vụ mở rộng năng lực sản xuất và chuẩn bị cho các đơn hàng xuất khẩu dự kiến sẽ tăng trong thời gian tới. Đáng chú ý, nhóm năng lượng đang nổi lên như một yếu tố gây áp lực ngày càng rõ rệt trong hai tháng gần đây, trong bối cảnh giá dầu và nguồn cung trên thị trường quốc tế tiếp tục biến động, khi riêng dầu thô và xăng dầu đã đóng góp khoảng 1,44 tỷ USD vào mức thâm hụt thương mại trong 15 ngày đầu tháng 4/2026.

Về thị trường, Hoa Kỳ tiếp tục là đối tác xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 53,9 tỷ USD, trong khi Trung Quốc là thị

trường nhập khẩu lớn nhất với giá trị 69,0 tỷ USD, qua đó duy trì vai trò trung tâm trong cán cân thương mại hai chiều. Sự chênh lệch quy mô giữa hai thị trường này tiếp tục ảnh hưởng đáng kể đến trạng thái cán cân thương mại tổng thể.

Mặc dù vậy, bức tranh thương mại 4 tháng đầu năm cũng phơi bày rõ điểm yếu cố hữu về sự mất cân đối cấu trúc giữa các khu vực kinh tế. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục duy trì vị thế chủ chốt khi tạo ra kim ngạch xuất khẩu lên tới 134,88 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 80% tổng giá trị xuất khẩu toàn quốc và đạt mức tăng trưởng 25,8%. Nhập khẩu của khu vực này tăng 36,8% - cao hơn đáng kể so với mức tăng của khu vực trong nước - song khu vực FDI vẫn giữ trạng thái xuất siêu quy mô lớn, đóng vai trò là lực đỡ chính của cán cân thương mại quốc gia. Trái ngược với sự bứt tốc của khối ngoại, khu vực kinh tế trong nước tỏ ra hụt hơi khi kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 33,65 tỷ USD với mức tăng trưởng gần như đi ngang ở 0,4%, trong khi nhập khẩu tăng 22,7%; theo đó, khu vực này tiếp tục nhập siêu sâu và là nguồn phát sinh chủ yếu của trạng thái thâm hụt thương mại tổng thể. Sự phân hóa này cho thấy việc cán cân chung đảo chiều sang nhập siêu chủ yếu phản ánh sự suy yếu tương đối của khu vực trong nước trong tương quan với tốc độ tăng nhập khẩu chung. Sự phụ thuộc sâu sắc vào cấu trúc chuỗi giá trị của các tập đoàn FDI cho thấy tính tự chủ của nền kinh tế vẫn còn mỏng manh và cần thiết lập các chiến lược nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng quốc gia.

3. Điều tra Mục 301 của Hoa Kỳ và kiến nghị từ VCCI

Trong tháng 4/2026, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ thông báo khởi xướng các cuộc điều tra diện rộng theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ năm 1974, với phạm vi áp dụng đối với nhiều đối tác thương mại, bao gồm cả các nền kinh tế phát triển có độ mở cao như Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Việt Nam. Hai nội dung cáo buộc chính được USTR đưa ra làm cơ sở điều tra gồm: (i) tình trạng dư thừa công suất mang tính hệ thống trong một số ngành sản xuất, có thể dẫn tới hành vi bóp méo thị trường Hoa Kỳ; và (ii) nghi vấn liên quan đến việc sử dụng lao động cưỡng bức trong các chuỗi cung ứng hàng nhập khẩu.

Đứng trước rủi ro bị áp đặt các rào cản thuế quan mang tính trừng phạt, bộ máy quản lý và đại diện doanh nghiệp Việt Nam đã triển khai phản hồi chính thức thông qua kênh đối thoại và cung cấp thông tin. Bộ Công Thương đã bác bỏ các cáo buộc nêu trên, đồng thời khẳng định nền kinh tế Việt Nam vận hành theo các nguyên tắc của kinh tế thị trường và tuân thủ các cam kết trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới. Theo đó, các chính sách công nghiệp hiện hành không nhằm tạo ra tình trạng dư thừa công suất mang tính hệ thống hay trợ cấp bóp méo thương mại, mà được xây dựng theo hướng hỗ trợ phát triển sản xuất phù hợp với tín hiệu thị trường. Bộ Công Thương cam kết liên tục phối hợp với các cơ quan Hoa Kỳ, cung cấp thông tin minh bạch trong đàm phán thuế để xây dựng một khuôn khổ thương mại lâu dài, ổn định và cùng có lợi.

Ở khía cạnh bảo vệ trực tiếp cộng đồng doanh nghiệp, ngày 15/4/2026, Phòng WTO và Hội nhập, Ban Pháp chế thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã

chính thức đệ trình bản ý kiến kỹ thuật gửi trực tiếp tới USTR. Trong văn bản này, VCCI đưa ra các luận cứ dựa trên đặc thù mô hình sản xuất của Việt Nam. Phân tích của VCCI làm rõ rằng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ như điện tử, máy móc, dệt may, da giày và đồ gỗ chủ yếu được sản xuất dưới hình thức gia công theo đơn đặt hàng (OEM/ODM) từ chính các đối tác nước ngoài. Quy trình sản xuất này bị ràng buộc cực kỳ nghiêm ngặt bởi thiết kế, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật và thời gian giao hàng đã được ký kết trước. Do đó, sản lượng đầu ra luôn được tính toán và đồng bộ hoàn hảo với nhu cầu tiêu thụ thực tế của thị trường. Bản chất của mô hình này tự nó đã triệt tiêu khả năng hình thành sự "dư thừa công suất mang tính hệ thống" mà USTR đang nghi ngại. Hơn nữa, doanh nghiệp tại Việt Nam được quyền tự quyết về sản xuất kinh doanh theo tín hiệu thị trường, sự gia tăng quy mô trong thời gian qua hoàn toàn là kết quả khách quan của xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, chứ không xuất phát từ chỉ đạo trợ cấp phi thị trường nào. Cũng trong văn bản này, VCCI đã đưa ra các dẫn chứng thuyết phục cho thấy Việt Nam đang áp dụng các tiêu chuẩn cao về lao động, đồng thời thực hiện giám sát gắt gao quá trình thực thi các quy chuẩn này, đặc biệt là về quyền lao động cơ bản. Việc chủ động tham gia và cung cấp lập luận kỹ thuật trong quá trình điều tra của VCCI cho thấy mức độ tham gia ngày càng sâu của các tổ chức đại diện doanh nghiệp Việt Nam trong các vấn đề pháp lý thương mại quốc tế.

4. Hoa Kỳ xếp Việt Nam vào danh sách “Quốc gia nước ngoài ưu tiên” (PFC) về sở hữu trí tuệ

Ngày 30/4/2026, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) công bố Báo cáo Đặc biệt 301 (Special 301 Report) năm 2026, trong đó xếp Việt Nam vào danh sách “Quốc gia nước ngoài ưu tiên” (Priority Foreign Country – PFC) về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đây là mức phân loại rủi ro cao nhất trong khuôn khổ Báo cáo này và là lần đầu tiên trong vòng 13 năm một quốc gia bị đưa vào nhóm PFC.

Theo quy định của Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ năm 1974, việc bị xếp vào danh sách PFC đồng nghĩa với việc USTR có thể xem xét khởi xướng một cuộc điều tra theo Mục 301 đối với các chính sách và thực tiễn liên quan đến sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo. Nếu cuộc điều tra được khởi xướng, USTR sẽ triển khai các bước điều tra theo quy định, trong đó có hoạt động tham vấn song phương, lấy ý kiến bình luận từ các bên liên quan... để ra kết luận điều tra. Trường hợp kết quả điều tra không tích cực, Hoa Kỳ có thể xem xét áp đặt các biện pháp thương mại bất lợi cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt là các biện pháp thuế quan với nhóm hàng hóa là đối tượng liên quan.

Trong Báo cáo, USTR nêu 05 cáo buộc chính liên quan đến công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, đây cũng là căn cứ chính dẫn đến nguy cơ điều tra Mục 301. Cụ thể, 05 cáo buộc này bao gồm: (i) hiệu quả thực thi các biện pháp phòng chống vi phạm bản quyền trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu; (ii) tình trạng hàng giả, hàng nhái, nhất là trong thương mại điện tử còn phổ biến và chế tài xử lý chưa đủ mạnh; (iii) công tác thực thi

kiểm soát sở hữu trí tuệ tại biên giới (hải quan) còn hạn chế; (iv) thiếu các biện pháp xử lý tình trạng doanh nghiệp sử dụng phần mềm không có bản quyền; và (v) thiếu chế tài hình sự về trộm cắp tín hiệu mã hóa. USTR đồng thời cho rằng việc thực thi trên thực tế chưa theo kịp các cải cách về mặt pháp lý, mặc dù Việt Nam đã sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022. Bên cạnh 5 cáo buộc trên, USTR cũng lưu ý một số vấn đề hệ thống mà Việt Nam cần chú ý cải thiện bao gồm (i) việc phụ thuộc vào các biện pháp xử phạt hành chính thay vì thúc đẩy các chế tài dân sự và hình sự; (ii) thiếu phối hợp giữa các bộ ngành, thiếu năng lực tư pháp của các cán bộ liên quan; và (iii) quy trình làm luật quá gấp gáp khi ghi nhận tình trạng thời gian lấy ý kiến công chúng cho các dự thảo luật và nghị định đôi khi chỉ kéo dài vỏn vẹn 24 giờ.

Ngay sau khi Báo cáo được công bố, đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam đã có phản hồi chính thức, đề nghị phía Hoa Kỳ đánh giá khách quan và cân bằng hơn về những nỗ lực và kết quả mà Việt Nam đã đạt được trong lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Việt Nam khẳng định thời gian qua đã liên tục cải thiện khung pháp lý, nâng cao nhận thức cộng đồng và kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm. Các cơ quan quản lý của Việt Nam luôn sẵn sàng chia sẻ thông tin, làm rõ các chính sách với Hoa Kỳ để giải quyết những khác biệt nhằm hướng tới khuôn khổ hợp tác kinh tế thương mại ổn định.

5. Chính thức xuất khẩu lô bưởi da xanh đầu tiên sang Australia

Ngày 13/4/2026, Việt Nam chính thức xuất khẩu lô bưởi da xanh tươi đầu tiên sang thị trường Australia, đánh dấu kết quả của quá trình đàm phán kỹ thuật song phương kéo dài hơn hai năm giữa cơ quan chức năng hai nước. Sự kiện này diễn ra sau khi phía Australia hoàn tất mở cửa thị trường đối với quả bưởi Việt Nam (*Citrus maxima*) từ tháng 10/2025.

Về khuôn khổ kỹ thuật, ngày 10/4/2026, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Australia đã cập nhật các điều kiện nhập khẩu đối với bưởi Việt Nam trên hệ thống BICON. Theo đó, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm dịch thực vật, bao gồm xử lý chiếu xạ, kiểm soát sinh vật gây hại và truy xuất nguồn gốc. Trên cơ sở này, cơ quan chuyên môn phía Việt Nam đã ban hành và hướng dẫn thực hiện các biện pháp kỹ thuật tương ứng nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của thị trường nhập khẩu.

Australia trở thành một trong những thị trường có tiêu chuẩn kiểm dịch cao tiếp theo chấp nhận mặt hàng bưởi tươi của Việt Nam. Việc thông quan thành công lô hàng đầu tiên được ghi nhận là một bước tiến trong mở cửa thị trường đối với nhóm trái cây tươi, tạo tiền đề để mở rộng quy mô xuất khẩu trong thời gian tới, đồng thời góp phần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông sản.

Diễn biến này cũng diễn ra trong bối cảnh xuất khẩu rau quả của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, với kim ngạch 4 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 2,06 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ. Việc mở rộng tiếp cận các thị trường có tiêu chuẩn cao như Australia được xem là một yếu tố góp phần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, RCEP và AANZFTA.

6. Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN (ASEAN SOM)

Ngày 07/4/2026, Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN (ASEAN SOM) đã được tổ chức tại Manila, Philippines, trong khuôn khổ các hoạt động chuẩn bị cho chuỗi hội nghị cấp cao của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á trong năm 2026. Tại hội nghị, các nước thành viên đã tiến hành rà soát toàn diện tình hình triển khai các cam kết và nghị quyết đã được thông qua trước đó, trên nhiều lĩnh vực, bao gồm hợp tác kinh tế, an ninh, văn hóa – xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nội dung thảo luận tập trung vào việc đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu trong Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng ASEAN, đồng thời trao đổi về các vấn đề mới nổi trong khu vực và quốc tế có tác động đến tiến trình hội nhập.

Bên cạnh đó, hội nghị cũng hoàn tất các bước chuẩn bị quan trọng cho Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 48, bao gồm việc thống nhất dự thảo nghị trình, rà soát các sáng kiến hợp tác và điều phối quan điểm giữa các nước thành viên. Các nội dung liên quan đến tăng cường kết nối kinh tế nội khối, thúc đẩy thương mại và đầu tư, cũng như các vấn đề mới như kinh tế số và khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng tiếp tục được đưa vào chương trình nghị sự.

Sự tham gia của Việt Nam tại hội nghị thể hiện việc duy trì phối hợp và đóng góp vào các tiến trình chung của ASEAN, trong bối cảnh khu vực đang đối mặt với nhiều thách thức đan xen từ môi trường kinh tế và địa chính trị toàn cầu.

7. *Đôi thoại chính sách và rà soát kinh tế khu vực ASEAN+3*

Ngày 28/4/2026, Phiên Đôi thoại chính sách và rà soát kinh tế khu vực ASEAN+3 đã được tổ chức theo hình thức trực tuyến, do Philippines và Nhật Bản đồng chủ trì, với sự tham dự của đại diện các cơ quan tài chính – tiền tệ của 13 nền kinh tế thành viên. Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Tài chính Trần Quốc Phương tham dự tại điểm cầu trong nước.

Hội nghị tập trung rà soát tình hình kinh tế – tài chính của khu vực, trong bối cảnh môi trường toàn cầu tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các nội dung thảo luận bao gồm tác động của lạm phát, biến động địa chính trị, gián đoạn chuỗi cung ứng và các yếu tố liên quan đến biến đổi khí hậu đối với ổn định kinh tế vĩ mô của các nước thành viên. Trên cơ sở đó, các bên đã trao đổi về nhu cầu tăng cường phối hợp chính sách nhằm nâng cao khả năng chống chịu của khu vực trước các cú sốc bên ngoài.

Tại hội nghị, đại diện Việt Nam đã cập nhật một số định hướng điều hành chính sách trong nước, bao gồm việc triển khai đồng bộ các

công cụ tài khóa và tiền tệ theo hướng linh hoạt, như gia hạn và điều chỉnh một số chính sách thuế liên quan đến nhiên liệu, thúc đẩy tiến độ các dự án hạ tầng năng lượng trọng điểm, cũng như cải cách thủ tục hành chính nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Đồng thời, Việt Nam cũng nêu đề xuất tăng cường các công cụ hợp tác tài chính khu vực, bao gồm việc xem xét phát triển các cơ chế hỗ trợ phục hồi, nâng cao khả năng ứng phó khẩn cấp và tiếp tục hoàn thiện sáng kiến Chiang Mai Initiative Multilateralisation.

Phiên đôi thoại được tổ chức trong khuôn khổ triển khai các chương trình hợp tác của ASEAN+3, bao gồm Kế hoạch công tác hợp tác ASEAN+3 giai đoạn 2023–2027 và Chương trình công tác kinh tế ASEAN+3 (ECWP 2025–2026). Các nội dung trao đổi tại hội nghị góp phần duy trì cơ chế chia sẻ thông tin và điều phối chính sách giữa các nước thành viên, trong bối cảnh kinh tế khu vực và toàn cầu tiếp tục biến động.

8. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 – 2030

Ngày 06/4/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng ký Quyết định số 626/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 – 2030. Đây là khuôn khổ chính sách tổng thể đầu tiên ở cấp Chính phủ tập trung riêng vào khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong hoạt động đầu tư, kinh doanh tại thị trường nước ngoài, với định hướng giải quyết các điểm nghẽn về thể chế, chính sách, bảo đảm cơ chế tiếp cận các nguồn lực (đầu tư, tài chính, hạ tầng, công nghệ, thông tin, nhân lực) thông thoáng và thủ tục hành chính tinh gọn, tương thích với các nền kinh tế có sức cạnh tranh cao.

Về phạm vi, Chương trình tập trung vào các ngành, lĩnh vực Việt Nam có lợi thế cạnh tranh quốc tế và tiềm năng lan tỏa cao, thông qua các hình thức đầu tư chiến lược, M&A, xây dựng trung tâm phân phối, kho ngoại quan, khu công nghiệp, hệ thống bán buôn – bán lẻ, văn phòng đại diện, văn phòng R&D và dịch vụ sau bán hàng tại thị trường nước ngoài. Đối tượng ưu tiên là doanh nghiệp có năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh vượt trội, có khả năng dẫn dắt ngành, cùng với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có mô hình kinh doanh toàn cầu.

Phần mục tiêu định lượng đến năm 2030 được đặt ra như sau: tối thiểu 10.000 lượt doanh nghiệp được đào tạo về đầu tư và kinh doanh toàn cầu, 1.000 doanh nghiệp được tư vấn và xây dựng kế hoạch vươn ra thị trường, tối thiểu 100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu để đầu tư ra nước ngoài (trong đó 30% theo phương thức M&A) và 100 doanh nghiệp được hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, với 20 doanh nghiệp lớn trong các ngành mũi nhọn dẫn dắt. Riêng lĩnh vực thương mại số,

100 doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu hoạt động trên các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới, trong đó tối thiểu 10 doanh nghiệp đạt doanh thu xuất khẩu trực tuyến trên 10 triệu USD. Để đạt các mục tiêu này, Chương trình triển khai năm nhóm nhiệm vụ trọng tâm: (i) tạo lập khung thể chế đồng bộ; (ii) xây dựng nền tảng thông tin và năng lực vươn ra thị trường; (iii) khuyến khích đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là M&A; (iv) thúc đẩy doanh nghiệp tham gia sâu chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; và (v) tạo thuận lợi cho thương mại số xuyên biên giới.

Việc Chương trình được phê duyệt ở thời điểm này có ý nghĩa chiến lược trên ba phương diện. Đầu tiên, Chương trình bổ khuyết một mảng chính sách hội nhập từ trước đến nay vẫn nghiêng về thu hút đầu tư vào trong nước và xúc tiến xuất khẩu hàng hóa, trong khi hoạt động đầu tư ra nước ngoài chưa có khuôn khổ hỗ trợ tổng thể tương xứng – diễn biến 4 tháng đầu năm 2026 cho thấy đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam đã tăng 2,3 lần, phản ánh nhu cầu vươn ra đã hình thành thực chất. Hai là, Chương trình hướng trực diện vào điểm yếu cấu trúc đã thể hiện trong cán cân thương mại 4 tháng đầu năm, khi khu vực kinh tế trong nước chỉ tăng trưởng xuất khẩu 0,4% so với mức 25,8% của khu vực FDI; nâng cao năng lực và mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam vì vậy trở thành điều kiện cần để giảm phụ thuộc vào khu vực FDI và tăng tính tự chủ của nền kinh tế. Ba là, đối với các tổ chức đại diện doanh nghiệp như VCCI, Chương trình mở ra dư địa hợp tác công – tư trong các hoạt động đào tạo, tư vấn, kết nối thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin thị trường nước ngoài và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam tại các thị trường mục tiêu.

9. Huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xúc tiến thương mại

Ngày 03/4/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về việc đẩy mạnh công tác huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2026 – 2030. Chỉ thị kế thừa và phát triển Đề án ban hành kèm Quyết định số 1797/QĐ-TTg ngày 12/12/2019, vốn đã được triển khai trong giai đoạn 2020 – 2024 và đóng góp tích cực vào Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Giai đoạn mới được xây dựng trong bối cảnh xu hướng bảo hộ, tranh chấp thương mại lan rộng và đặt ra hai yêu cầu mới: (i) chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng bền vững, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh/số, hướng tới tăng trưởng hai con số; và (ii) phát huy thế mạnh của cộng đồng trong cảnh báo sớm về thị trường và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại.

Về mục tiêu đến năm 2030, Chỉ thị đặt định hướng hình thành mạng lưới phân phối hàng Việt Nam tại tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ có sự hiện diện của cộng đồng người Việt, với sự tham gia của toàn bộ các hội doanh nhân người Việt ở nước ngoài, qua đó hình thành mạng lưới phân phối hàng hóa Việt Nam do người Việt đóng vai trò chủ đạo. Cùng với đó, Chỉ thị yêu cầu tăng mạnh tỷ trọng hàng Việt Nam trong hệ thống phân phối của người Việt ở nước ngoài, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp gắn với khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Về định hướng triển khai, Chỉ thị xác định người Việt Nam ở nước ngoài là "lực lượng tại chỗ" có vai trò chiến lược trong giữ vững các thị trường truyền thống, đưa hàng Việt

vào các hệ thống phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại lớn và có uy tín, đồng thời tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng, đặc biệt tại các thị trường có cộng đồng người Việt đông đảo. Doanh nghiệp vừa và nhỏ là nhóm được ưu tiên hỗ trợ, với trọng tâm tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có. Công tác này được gắn kết chặt chẽ với chống hàng giả, gian lận thương mại, áp dụng tiêu chuẩn xanh, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ thương hiệu quốc gia; đồng thời khuyến khích cộng đồng người Việt cung cấp thông tin về thị hiếu tiêu dùng, chính sách nhập khẩu, các biện pháp bảo hộ thương mại, và hỗ trợ bảo vệ lợi ích doanh nghiệp Việt Nam trong các vụ tranh chấp thương mại.

Việc Chỉ thị 11/CT-TTg được ban hành liền kề với Quyết định số 626/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế cho thấy định hướng chính sách hội nhập đang được tổ chức theo hướng đồng bộ hơn. Trong bối cảnh các rào cản thương mại tại thị trường Hoa Kỳ – đối tác xuất khẩu lớn nhất – đang gia tăng (Mục 122, các cuộc điều tra Mục 301, danh sách PFC về sở hữu trí tuệ), việc đa dạng hóa thị trường và xây dựng các kênh phân phối ổn định, do người Việt làm chủ tại sở tại, có ý nghĩa thiết thực đối với khả năng giữ vững và mở rộng xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khu vực kinh tế trong nước vốn đang tăng trưởng xuất khẩu rất chậm. Đối với các tổ chức đại diện doanh nghiệp như VCCI, Chỉ thị mở ra dư địa hợp tác với mạng lưới các hội doanh nhân người Việt ở nước ngoài trong các hoạt động kết nối B2B, chia sẻ thông tin thị trường, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong các tranh chấp thương mại quốc tế và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ xúc tiến thương mại.

10. *Tạm ngưng hiệu lực Nghị định 46 về an toàn thực phẩm*

Ngày 06/4/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long đã ký ban hành Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP về việc tạm ngưng hiệu lực thi hành Nghị định số 46/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 quy định chi tiết thi hành Luật An toàn thực phẩm và Nghị quyết số 66.13/2026/NQ-CP ngày 27/01/2026 về công bố, đăng ký sản phẩm thực phẩm. Việc tạm ngưng được áp dụng cho đến khi Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) và các nghị định hướng dẫn thi hành có hiệu lực; trong thời gian này, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan tiếp tục được áp dụng nhằm bảo đảm hoạt động quản lý không bị gián đoạn. Đây là lần thứ hai Nghị định 46 bị tạm ngưng hiệu lực, sau khi Nghị quyết số 09/2026/NQ-CP ngày 04/02/2026 đã lùi thời điểm áp dụng Nghị định này đến 15/4/2026.

Nghị định số 46/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày ban hành 26/01/2026, thay thế toàn bộ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, với sáu nhóm thay đổi đáng kể: thu hẹp cơ chế tự công bố và mở rộng diện phải đăng ký bản công bố hợp quy; lần đầu đưa bao bì, dụng cụ tiếp xúc thực phẩm vào diện quản lý chặt; thiết lập lộ trình bắt buộc áp dụng HACCP và GMP; chuẩn hóa toàn bộ quy trình kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu; ràng buộc trách nhiệm của sàn thương mại điện tử đối với quảng cáo thực phẩm; và quy định cụ thể về thời điểm truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tuy nhiên, do thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết và thời gian chuyển tiếp ngắn, ngay sau khi Nghị định có hiệu lực, hàng hóa nhập khẩu – đặc biệt là nông sản và thực phẩm – đã bị ách tắc tại nhiều cảng biển do không hoàn tất được thủ tục thông quan, gây xáo trộn đáng kể đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu.

Trước thực trạng đó, VCCI cùng nhiều hiệp hội ngành hàng đã kiến nghị Chính phủ kéo dài thời gian tạm ngưng cho đến khi Luật An toàn

thực phẩm (sửa đổi) được Quốc hội thông qua và có hiệu lực, thay vì chỉ tạm ngưng đến giữa tháng 4 như Nghị quyết 09. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì cuộc họp Thường trực Chính phủ ngày 16/3/2026, dẫn đến Nghị quyết số 15/2026/NQ-CP. Theo dự kiến, dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) sẽ được trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XVI, với mục tiêu các văn bản mới có hiệu lực chậm nhất đến ngày 01/7/2027. Trong giai đoạn chuyển tiếp, Chính phủ yêu cầu các Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tăng cường công tác hậu kiểm, kiểm tra, giám sát nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm và không để xảy ra khoảng trống quản lý.

Việc Nghị định 46 phải hai lần tạm ngưng trong vòng hơn hai tháng phản ánh một số vấn đề về quy trình xây dựng và thi hành chính sách. Thứ nhất, thời gian chuyển tiếp giữa thời điểm ban hành và thời điểm có hiệu lực quá ngắn, đặt cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan thực thi trước áp lực tuân thủ trong khi các điều kiện kỹ thuật và văn bản hướng dẫn chưa sẵn sàng - điểm yếu này cũng đã được Báo cáo Special 301 năm 2026 của USTR nêu lên ở mức độ tổng quát về quy trình lấy ý kiến công chúng đối với các dự thảo văn bản pháp luật tại Việt Nam. Thứ hai, đối với các văn bản có tác động trực tiếp đến biện pháp SPS (vệ sinh an toàn thực phẩm) – vốn là cấu phần quan trọng trong các cam kết FTA – việc thiếu đồng bộ giữa văn bản gốc và văn bản hướng dẫn có thể gây gián đoạn dòng lưu chuyển hàng hóa và ảnh hưởng đến độ tin cậy của môi trường pháp lý đối với đối tác thương mại quốc tế. Thứ ba, sự kiện này khẳng định vai trò phản biện của VCCI trong việc chuyển tải tiếng nói cộng đồng doanh nghiệp tới cơ quan hoạch định chính sách – một cơ chế cần tiếp tục được duy trì và tăng cường, đặc biệt đối với các nhóm văn bản có ảnh hưởng trực tiếp tới chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN HỘI NHẬP NỘI BẬT DỰ KIẾN TRONG THÁNG 5/2026

1. *Chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Nhật Bản tới Việt Nam*

Ngày 03/5/2026, chuyến thăm chính thức cấp Nhà nước tới Việt Nam của Thủ tướng Nhật Bản Takaichi Sanae đã kết thúc, với chuỗi hoạt động tiếp xúc cấp cao giữa lãnh đạo hai nước. Trong khuôn khổ chuyến thăm, Thủ tướng Nhật Bản đã có các cuộc hội đàm, hội kiến với Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, đồng thời hai bên đã trao đổi và thúc đẩy nhiều nội dung hợp tác song phương trên các lĩnh vực trọng tâm.

Các cuộc làm việc diễn ra với lịch trình dày đặc và ở cấp độ cao, tập trung vào các nội dung hợp tác kinh tế, đầu tư, công nghệ và an ninh. Hai bên trao đổi về định hướng tăng cường liên kết chuỗi cung ứng, thúc đẩy hợp tác trong các ngành công nghệ cao, chuyển đổi xanh và phát triển hạ tầng chiến lược. Bên

cạnh đó, các nội dung liên quan đến hợp tác an ninh kinh tế và nâng cao khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng cũng được đưa vào chương trình nghị sự.

Trong khuôn khổ chuyến thăm, hai bên cũng đề cập các mục tiêu hợp tác kinh tế cụ thể, bao gồm việc tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và mở rộng dòng vốn đầu tư từ Nhật Bản vào Việt Nam, với định hướng đạt mức trung bình khoảng 5 tỷ USD/năm, đồng thời hướng tới mở rộng kim ngạch thương mại song phương lên khoảng 60 tỷ USD vào năm 2030. Các mục tiêu này phản ánh nỗ lực tăng cường kết nối kinh tế giữa hai nước trong bối cảnh chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu đang có sự điều chỉnh.

2. *Chuyến thăm cấp Nhà nước của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tới Ấn Độ và Sri Lanka*

Từ ngày 5–8/5/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước tới Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Dân chủ Sri Lanka, theo lời mời của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Tổng thống Sri Lanka Anura Kumara Dissanayake. Đây là chuyến công du nước ngoài đầu tiên của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước trên cương vị mới, đồng thời thể hiện sự coi trọng của Việt Nam đối với khu vực Nam Á – nơi có vị trí địa chiến lược quan trọng và đang nổi lên như một trung tâm tăng trưởng, sản xuất mới trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tại Ấn Độ (5–7/5/2026), chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh hai nước kỷ niệm 10 năm thiết lập Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện (2016–2026) và hướng tới dấu mốc 55 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1972–2027). Trong khuôn khổ chuyến thăm, các hoạt động cấp cao dự kiến bao gồm hội đàm giữa lãnh đạo hai nước và trao đổi các văn kiện hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, đoàn Việt Nam tham dự một số diễn đàn về tài chính, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và giao lưu nhân dân nhằm tăng cường kết nối giữa cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

Quan hệ Việt Nam – Ấn Độ được xây dựng trên nền tảng lịch sử lâu dài, được thiết lập chính thức vào năm 1972 và từng bước nâng cấp qua các giai đoạn, bao gồm Đối tác Chiến lược năm 2007 và Đối tác Chiến lược Toàn diện năm 2016. Về hợp tác kinh tế, thương mại song phương đạt 16,46 tỷ USD trong năm 2025, với định hướng tiếp tục mở rộng trong thời gian tới. Ấn Độ là một trong những đối tác cung cấp dược phẩm, máy móc và nguyên liệu đầu vào cho Việt Nam, trong khi doanh nghiệp hai nước cũng từng bước mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng và dịch vụ. Trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh, hai bên duy trì các hoạt động hợp tác như đào tạo, chuyển giao trang thiết bị và phối hợp trong một số lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Đồng thời, hợp tác khoa học – công nghệ tiếp tục được thúc đẩy, bao gồm các lĩnh vực như không gian, dược phẩm và chuyển đổi số.

Tại Sri Lanka (7–8/5/2026), đây là chuyến thăm đáp lễ chuyến thăm cấp Nhà nước của Tổng thống Anura Kumara Disanayake tới Việt Nam vào tháng 5/2025, đồng thời là chuyến thăm cấp cao nhất của Lãnh đạo Việt Nam đến Sri Lanka trong lịch sử kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 21/7/1970. Trong khuôn khổ chuyến thăm lần này, hai bên dự kiến đặt mục tiêu phát triển kim ngạch thương mại và đầu tư hai chiều, hướng tới một số dự án đầu tư lớn của doanh nghiệp Việt Nam tại Sri Lanka, đồng thời thúc

đẩy hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế biển, an ninh hàng hải, kết nối cảng biển, văn hóa, du lịch tâm linh và Phật giáo, trong đó có khả năng mở đường bay thẳng giữa hai nước nhằm tăng cường giao thương và giao lưu nhân dân.

Trong năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Sri Lanka đạt khoảng 260 triệu USD. Lãnh đạo cấp cao hai nước đang đẩy mạnh các biện pháp xúc tiến thương mại, hướng tới mục tiêu nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên mốc 1 tỷ USD trong thời gian tới. Sri Lanka cũng là một trong các quốc gia đã công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Hai bên đã thiết lập ba cơ chế hợp tác song phương gồm Ủy ban Hỗn hợp về Kinh tế, Khoa học và Kỹ thuật (cấp Bộ trưởng Ngoại giao), Tham khảo Chính trị (cấp Thứ trưởng Ngoại giao) và Tiểu ban Thương mại hỗn hợp (cấp Thứ trưởng Bộ Công Thương).

Việc thực hiện chuyến công du liên tiếp tới Ấn Độ và Sri Lanka phản ánh định hướng tăng cường quan hệ với khu vực Nam Á của Việt Nam, qua đó củng cố các cơ chế hợp tác hiện có và mở rộng các lĩnh vực hợp tác mới. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu đang có sự điều chỉnh, việc làm sâu sắc kết nối kinh tế với Nam Á được xem là một hướng đi nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng nguồn cung nguyên liệu đầu vào và thiết lập các nền tảng hợp tác mới về vận tải biển, năng lượng, và công nghệ.

3. Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 48

Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 48 dự kiến diễn ra trong hai ngày 7–8/5/2026 tại Cebu, Philippines, theo lời mời của Tổng thống Ferdinand Romualdez Marcos Jr., Chủ tịch luân phiên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á năm 2026. Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Lê Minh Hung dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao tham dự. Đây là hoạt động đối ngoại đa phương đầu tiên của Thủ tướng trên cương vị người đứng đầu Chính phủ, đồng thời nằm trong khuôn khổ triển khai đường lối đối ngoại độc lập, đa phương hóa và hội nhập quốc tế.

Trước thềm hội nghị cấp cao, ngày 7/5 diễn ra các cuộc họp trụ bị cấp Bộ trưởng và Hội đồng chuyên ngành, bao gồm Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM), Hội đồng Cộng đồng Chính trị – An ninh (APSC), Hội đồng Điều phối ASEAN (ACC), Hội đồng Cộng đồng Kinh tế (AECC) và phiên họp chung giữa Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Kinh tế. Các cuộc họp này tập trung rà soát tiến độ hợp tác nội khối, thống nhất nội dung nghị trình và chuẩn bị các văn kiện trình lãnh đạo cấp cao. Ngày 8/5, phiên họp cấp cao giữa các nhà lãnh đạo ASEAN sẽ được tổ chức, với trọng tâm là đánh giá tình hình khu vực, xác định định hướng chiến lược và thúc đẩy các sáng kiến hợp tác.

Trong năm Chủ tịch 2026, Philippines định hình chương trình nghị sự của ASEAN với chủ đề “Cùng chèo lái tương lai chung” (Sailing Together towards a Shared Future),

tập trung vào ba trụ cột chính: củng cố hòa bình và an ninh khu vực; thúc đẩy thịnh vượng thông qua hội nhập kinh tế và chuyển đổi số; và tăng cường trao quyền, mở rộng cơ hội cho người dân. Trên cơ sở đó, các nội dung thảo luận tại hội nghị dự kiến bao gồm các vấn đề liên quan đến tăng cường kết nối kinh tế nội khối, nâng cao khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng, cũng như ứng phó với các thách thức toàn cầu như biến động địa chính trị, an ninh năng lượng và an ninh lương thực.

Trong khuôn khổ hội nghị, Việt Nam dự kiến tham gia trao đổi và đóng góp vào các nội dung hợp tác trọng tâm của ASEAN, bao gồm các vấn đề liên quan đến bảo đảm an ninh năng lượng, duy trì ổn định chuỗi cung ứng lương thực và tăng cường cơ chế phối hợp trong bảo hộ công dân tại các khu vực có xung đột. Đồng thời, các nước thành viên cũng sẽ thảo luận về việc triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2045 và giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch Công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn V (2026–2030), nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển và tăng cường liên kết nội khối.

Hội nghị được tổ chức trong bối cảnh môi trường khu vực và toàn cầu tiếp tục biến động, qua đó tiếp tục duy trì vai trò là diễn đàn cấp cao để các nước ASEAN trao đổi, điều phối chính sách và thúc đẩy hợp tác khu vực trên các lĩnh vực ưu tiên.

4. Triển khai cơ chế Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) tại Việt Nam

Ngày 25/5/2026, Nghị định 110/2026/NĐ-CP chính thức có hiệu lực, quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường 2020, trong đó bao gồm việc triển khai bắt buộc cơ chế Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR – Extended Producer Responsibility) tại Việt Nam. Theo quy định, các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu sản phẩm, bao bì đưa ra thị trường nội địa có trách nhiệm thực hiện thu hồi, tái chế và xử lý chất thải phát sinh ở giai đoạn cuối vòng đời sản phẩm, phù hợp với các tiêu chuẩn và lộ trình được quy định.

Việc áp dụng cơ chế EPR đánh dấu một bước hoàn thiện khung chính sách môi trường, đồng thời phản ánh xu hướng điều chỉnh chính sách theo hướng tiệm cận các thông lệ quốc tế. Nội dung này thể hiện hành động thực chất của Việt Nam trong triển khai các định hướng cam kết về môi trường và phát triển bền vững trong khuôn khổ các COP gần đây, các thỏa thuận quốc tế về môi trường cũng như các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam tham gia (như CPTPP, EVFTA, và

RCEP...), về tăng cường quản lý chất thải, thúc đẩy tái chế và giảm tác động môi trường trong chuỗi cung ứng.

Về thực thi, cơ chế EPR yêu cầu doanh nghiệp thiết lập hoặc tham gia các hệ thống thu gom, tái chế, đồng thời thực hiện nghĩa vụ báo cáo và đóng góp tài chính theo quy định. Việc triển khai cơ chế này gắn với định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng tuyến tính sang mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đồng thời, các yêu cầu về minh bạch thông tin và truy xuất trách nhiệm trong xử lý chất thải cũng được tăng cường, phù hợp với các tiêu chuẩn thị trường nhập khẩu có yêu cầu cao về môi trường.

Việc Nghị định 110/2026/NĐ-CP có hiệu lực diễn ra trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế gắn với các tiêu chuẩn phát triển bền vững, đồng thời gia tăng yêu cầu đối với doanh nghiệp trong việc đáp ứng các quy định về môi trường trong sản xuất và xuất khẩu hàng hóa.

5. Tinh gọn thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu

Từ ngày 01/5/2026, Quyết định số 771/QĐ-BCT của Bộ Công Thương chính thức có hiệu lực, công bố việc sửa đổi, bổ sung 36 thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ. Nội dung cải cách tập trung vào việc giảm bớt yêu cầu hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý và chuẩn hóa quy trình thực hiện trên hệ thống điện tử eCoSys, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại của doanh nghiệp.

Một trong những nội dung trọng tâm là việc hiện đại hóa quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) ưu đãi nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia. Các mẫu C/O chủ yếu được chuẩn hóa và áp dụng thống nhất, bao gồm Mẫu D (ASEAN), Mẫu E (Trung Quốc), Mẫu AK (ASEAN – Hàn Quốc), Mẫu AJ/AI (ASEAN – Nhật Bản), Mẫu AANZ (ASEAN – Australia – New Zealand), các Mẫu trong

khuôn khổ Liên minh Kinh tế Á – Âu, RCEP, CPTPP và EVFTA. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cũng sửa đổi các thủ tục cấp văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN, qua đó nâng cao tính chủ động cho doanh nghiệp xuất khẩu, phù hợp với xu hướng quốc tế. Song song với đó, Thông tư 49/2025/TT-BCT tiếp tục được triển khai, cập nhật và làm rõ hệ thống quy tắc xuất xứ trong khuôn khổ Hiệp định AKFTA (ASEAN – Hàn Quốc).

Các cải cách về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu được triển khai trong bối cảnh tổng kim ngạch thương mại hàng hóa của Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2026 tiếp tục tăng trưởng cao (24,2%), đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả thực thi và tận dụng các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt trong điều kiện rào cản thuế quan tại các thị trường xuất khẩu chính đang gia tăng đáng kể.

6. Gia hạn giảm thuế MFN đối với nguyên liệu sản xuất xăng, dầu

Từ ngày 01/5/2026, Nghị quyết số 25/2026/NQ-CP của Chính phủ chính thức có hiệu lực, theo đó kéo dài thời hạn áp dụng các quy định tại Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026. Việc gia hạn này nhằm tiếp tục duy trì mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) 0% đối với một số mặt hàng nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất xăng, dầu. Theo quy định, cơ chế thuế ưu đãi này chỉ được áp dụng đến hết ngày 30/6/2026. Sau thời điểm này, các mức thuế MFN sẽ quay trở lại áp dụng theo khung thuế tại Nghị định số 26/2023/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Phạm vi áp dụng mức thuế 0% bổ sung thêm so với Nghị định số 72 ba mã hàng nguyên liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động lọc – hóa dầu trong nước: dầu thô đã tách phần nhẹ (mã HS 2710.19.20), dầu trung khác và các chế phẩm (mã HS 2710.19.89) và mặt hàng "loại khác" thuộc nhóm 2711.19.00. Theo Bộ Tài chính, việc gia hạn nhằm góp phần ổn định thị trường xăng, dầu trong nước, bảo đảm an ninh năng lượng và hỗ trợ kiềm chế áp lực lạm phát, trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu tiếp tục biến động khó lường do các yếu tố địa chính trị và sự dịch chuyển trong cấu trúc thị trường dầu mỏ – đặc biệt sau

khi Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) tuyên bố rút khỏi OPEC.

Việc gia hạn chính sách này có ý nghĩa thiết thực trên ba phương diện. Thứ nhất, ở góc độ kinh tế vĩ mô, biện pháp này giúp giảm chi phí nhập khẩu nguyên liệu của các doanh nghiệp đầu mối và nhà máy lọc – hóa dầu, qua đó giảm áp lực lên giá xăng dầu bán lẻ trong nước và hạn chế hiệu ứng lan tỏa lên chi phí sản xuất, vận tải và mặt bằng giá tiêu dùng. Thứ hai, ở góc độ cán cân thương mại, chính sách này được ban hành đúng vào thời điểm nhóm năng lượng đang trở thành một yếu tố gây áp lực rõ rệt lên cán cân thương mại Việt Nam, khi riêng dầu thô và xăng dầu đã đóng góp khoảng 1,44 tỷ USD vào mức thâm hụt thương mại trong 15 ngày đầu tháng 4/2026; việc giảm chi phí nhập khẩu đầu vào sẽ giúp giảm thiểu tác động lan tỏa của giá dầu thế giới đến tỷ giá hối đoái và dự trữ ngoại hối. Thứ ba, ở góc độ điều hành, chính sách thể hiện cách tiếp cận linh hoạt theo từng giai đoạn ngắn (hai tháng) thay vì cố định dài hạn, cho phép Chính phủ chủ động điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường năng lượng toàn cầu trong nửa cuối năm 2026.

PHÒNG WTO VÀ HỘI NHẬP, BAN PHÁP CHẾ LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

Số 9 Đào Duy Anh, Kim Liên, Hà Nội

Tel: +84-24-35771458/ +84-24-32216234

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn / www.chongbanphagia.vn / www.aecvcci.vn